

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM - PT
Ngày 19 - 01- 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn

Ông Võ Hoàng Khải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng
Thẩm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh
Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số
01/2021/TLPT - KDTM ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp
đồng mua bán”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM - ST, ngày
06 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số Quyết định đưa vụ án ra
xét xử phúc thẩm số 49/2021/QĐ - PT ngày 17 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn
phiên tòa số 03/2021/QĐ – PT ngày 13 tháng 4 năm 2021; Quyết định tạm ngừng
phiên tòa số 01/2021/QĐ – PT ngày 11 tháng 5 năm 2021; Thông báo về việc dời
ngày mở phiên tòa số 30/TB – TA ngày 07 tháng 6 năm 2021; Thông báo về việc
mở lại phiên tòa số 112/TB – TA ngày 23 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn
phiên tòa số 01/2022/QĐ – PT ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH cơ điện tử Q BK (gọi tắt là Công ty Q BK).

Địa chỉ liên lạc: Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Theo bản ủy quyền ngày 18 tháng
9 năm 2019):

- Anh Phan Quốc E, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Trà Thị Thu Y, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Văn N của Công ty Luật TNHH MTV S, thuộc Đoàn luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH một thành viên cơ khí T

Địa chỉ liên lạc: Ấp P, xã O, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

Tên gọi mới: Công ty Cổ phần xây dựng cơ khí T.

Địa chỉ mới: Cụm công nghiệp tập trung H - giai đoạn 1, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 9 năm 2020):

- Bà Tiên Thị L, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Khu vực J, phường F, quận NK, thành phố Cần Thơ.

- Ông Lâm Châu D, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty TNHH cơ điện tử Q BK (gọi tắt là Công ty Q BK).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:
Ông Phan Quốc Đạt là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Q BK trình bày như sau: Tháng 9 năm 2017 giữa nguyên đơn Công ty Q BK với bị đơn Công ty T có ký kết với nhau một Hợp đồng kinh tế số 01 HĐKT/QHBK-TT-09/2017 theo đó bên nguyên đơn nhận cung cấp, chế tạo và lắp đặt cho bên bị đơn "Hệ thống máy ly tâm tách nước trái cây" với các nội dung công việc như sau:

Danh mục thiết bị: Máy ly tâm Alfalaval (inox 100%), số lượng 1; máy ly tâm 3 pha pilot, số lượng 1; máy lọc thô 0,1mm, số lượng 1; đường ống kết nối inox, vale kết nối (mục 1), số lượng 1; bơm cấp liệu inox 304 (đã qua sử dụng), số lượng 1; hệ thống điều khiển máy ly tâm MCCB, CONTACTOR và thiết bị điều khiển TELEMECANIC (FRANCE), biến tần Danfoss mới 100%, màn hình HMI và PLC Siemens, số lượng 1; đường dây điện (nội bộ), số lượng 1 với tổng giá trị trước thuế GTGT của hợp đồng là 1.200.000.000 đồng; thuế giá trị gia tăng 10% là 120.000.000 đồng; tổng giá trị sau thuế giá trị gia tăng là 1.320.000.000 đồng.

Thực hiện theo hợp đồng, Công ty Q BK đã chế tạo, cung cấp, lắp đặt và bàn giao đúng và đầy đủ máy móc cho T. Căn cứ vào "Biên bản bàn giao và hướng dẫn vận hành máy ly tâm" ngày 20/7/2018 và "Biên bản nghiệm thu" ngày 11/8/2018 thì hệ thống máy ly tâm tách nước trái cây đã được bàn giao đầy đủ và hoạt động tốt khi nghiệm thu. Căn cứ vào Điều 1, Điều 2 của hợp đồng thì Công ty Q BK đã hoàn thành đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty T mới chỉ thanh toán số tiền 800.000.000 đồng, còn lại 520.000.000 đồng chưa thanh toán, Công ty Q BK đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty T không thực hiện. Công ty Q BK khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 520.000.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán từ ngày 12/9/2019 đến ngày vụ việc được giải quyết xong theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước, tạm tính đến ngày 12/9/2019 là $520.000.000 \text{ đồng} \times (9\% \times 12:12) = 46.800.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng yêu cầu T phải trả là 566.800.000 đồng.

Quá trình tố tụng bị đơn Công ty T có đơn phản tố và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Tiền Thị Toàn trình bày tóm tắt như sau: Bị đơn không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Q BK. Lý do cho việc không thống nhất trên là việc anh R ký biên bản nghiệm thu không đúng quy định vì anh R không phải là người của Công ty T. Thứ hai, khi lắp đặt hệ thống máy ly tâm tách nước trái cây nguyên đơn không thực hiện đúng theo Hợp đồng kinh tế số 01HĐKT/QHBK-TT-09/2017 và hiện tại máy không hoạt động được, máy không đạt yêu cầu và loại máy mà nguyên đơn lắp đặt không phải loại máy tách nước trái cây như các bên đã ký trong hợp đồng.

Tại văn bản ngày 04/10/2019, bị đơn Công ty TNHH MTV cơ khí T phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Căn cứ biên bản nghiệm thu, đơn khởi kiện của công ty BK, do công ty BK không thực hiện đúng như hợp đồng, nguyên đơn chỉ lắp đặt hệ thống máy đã tân trang lại nên bị đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty BK thu hồi lại toàn bộ danh mục thiết bị tại mục 1, Điều 1 của Hợp đồng 01/HĐKT-TT-09/2017 tháng 09 năm 2017, đồng thời hoàn trả lại toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh mà Công ty T đã thanh toán cho Công ty Q BK, cụ thể:

Ngày thanh toán: 25/10/2017 số tiền 300.000.000 đồng, ngày tạm tính lãi 30/9/2019 số ngày tính lãi 706 ngày, với mức lãi suất 09%/năm, tiền lãi tạm tính 52.2443958 đồng.

Ngày thanh toán: 13/02/2018 số tiền 300.000.000 đồng, ngày tạm tính lãi 30/9/2019 số ngày tính lãi 595 ngày, với mức lãi suất 09%/năm, tiền lãi tạm tính 44.013.699 đồng.

Ngày thanh toán: 22/10/2018 số tiền 200.000.000 đồng, ngày tạm tính lãi 30/9/2019 số ngày tính lãi 344 ngày, với mức lãi suất 09%/năm tiền lãi tạm tính 16.964.384 đồng.

Tổng cộng 800.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính 113.202.740 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố thứ hai, buộc Công ty Q BK bồi thường thiệt hại do việc không khắc phục sửa chữa những lỗi mà Công ty T đã thông báo cho Công ty TNHH cơ điện tử Q BK, gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của khách hàng khi khách hàng yêu cầu bồi thường (nếu có) là do bị đơn chỉ yêu cầu nếu có phát sinh nhưng đến hiện tại thì chưa có phát sinh.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn phát biểu yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 520.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 21/7/2019 đến ngày 06/10/2019 với số tiền là 56.550.000 đồng. Đại diện bị đơn phát biểu thay đổi một phần yêu cầu phản tố, yêu cầu Công ty Q BK tiếp tục thực hiện hợp đồng, thực hiện việc bảo hành để đảm bảo hệ thống máy ly tâm tách nước trái cây hoạt động tốt theo thỏa thuận tại Điều 6 của hợp đồng, đồng thời tiếp tục bảo hành cho Công ty T trong thời gian hợp lý. Công ty T đồng ý thanh toán số tiền còn lại, sau khi Công ty Q thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo hành. Bị đơn xin rút lại đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM - ST, ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Q BK buộc Công ty T phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền 520.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán do tại thời điểm khởi kiện chưa làm phát sinh nghĩa vụ của Công ty T. Công ty Q BK có quyền khởi kiện lại khi đã thực hiện việc giao đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty T. Buộc Công ty Q phải có nghĩa vụ bảo hành để đảm bảo Hệ thống máy ly tâm tách nước trái cây hoạt động tốt theo thỏa thuận tại Điều 6 của hợp đồng, đồng thời tiếp tục bảo hành cho Công ty T trong thời gian 03 tháng (thời gian còn lại tính từ ngày có văn bản của Công ty T).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn Công ty Q BK kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Vì nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ, tình tiết liên quan của vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại đợt 3, theo thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 01. Sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu 30 ngày, Công ty Q BK đã xuất hóa đơn, đã phát sinh trách nhiệm thanh toán đợt 4 đối với Công ty T. Vào ngày 10/10/2019 tại Tòa án cấp sơ thẩm Công ty Q BK đã giao hóa đơn cho Công ty T, nhưng T từ chối nhận. Do đó, căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại 2005, bên bán có quyền yêu cầu bên mua trả lãi suất do chậm thanh toán. Công ty Q BK chỉ yêu cầu tính lãi suất 9%/năm theo quy định lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước, là có cơ sở. Đối với yêu cầu phản tố của Công ty T, yêu cầu bảo hành đối với máy, Công ty Q BK không đồng ý, vì đã hết hạn bảo hành. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty T, có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền gốc và lãi 640.718.356 đồng, bác yêu cầu phản tố của Công ty T.

Đại diện của bị đơn phát biểu quan điểm tranh luận, cho rằng Công ty T đã trả cho Công ty Q BK 800.000.000 đồng, nhưng đã hơn 03 năm nay, máy ly tâm tách nước trái cây không hoạt động được. Công ty T chưa nhận hóa đơn nên chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán. Công ty T đã có thiện chí thương thảo, giải quyết tranh chấp, nên đã thay đổi yêu cầu phản tố, với mong muốn để Công ty Q BK, khắc phục lỗi kỹ thuật để máy hoạt động được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng Công ty Q BK khi ký biên bản nghiệm thu, ghi chú một số chi tiết chưa lắp đặt. Công ty Q BK đã khắc phục chưa, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Đến thời điểm này, máy ly tâm tách nước trái cây đã không hoạt động được, là lỗi của bên bán, bên mua, hay bên sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ông Nguyễn Phi R, ông Trần Anh Z và Công ty TNHH MTV Chế biến Nông sản K

vào tham gia tố tụng, để làm rõ trách nhiệm của các bên về việc máy không hoạt động được. Những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chưa xem xét kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Nguyên đơn Công ty Q BK khởi kiện Công ty T tranh chấp về hợp đồng kinh tế. Các bên đương sự đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn có trụ sở chính tại huyện T, Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang thụ lý vụ án kinh doanh thương mại và xác định quan hệ pháp luật chanh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán” theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là đúng theo quy định.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/10/2020, nguyên đơn Công ty Q BK có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về việc xác định lỗi dẫn đến hợp đồng không thể tiếp tục được thực hiện

Tại Biên bản bàn giao và hướng dẫn vận hành máy ly tâm ngày 20/7/2018 (bút lục 08) và (bút lục 81) thể hiện đại diện bên B ký tên vào biên bản là ông Nguyễn Phi R và đại diện bên A là ông Trần Anh Z.

Tại Biên bản nghiệm thu ngày 11/8/2018 (bút lục số 71) đại diện bên bán là bà Nguyễn Thị Phương X Giám đốc Công ty TNHH cơ điện tử Q BK ký tên đại diện bên bán và đại diện bên mua là ông Nguyễn Phi R. Phần cuối biên bản thể hiện nội dung: Chưa có code chương trình; Chưa có sơ đồ điện; Hệ thống làm mát nhớt hoạt động chưa tốt. Nhưng ông Nguyễn Phi R ký xác nhận, đánh giá hoạt động của Hệ thống máy ly tâm tách nước trái cây là đạt.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ liên quan đến Điều lệ của cả hai công ty Q BK và T để xem xét về thẩm quyền ký biên bản bàn giao

của ông Trần Anh Z và ông Nguyễn Phi R. Trong hồ sơ không có bất kỳ văn bản nào thể hiện việc ủy quyền của Q BK và T cho ông Z và ông R để thực hiện nhiệm vụ ký biên bản nghiệm thu và bàn giao. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập ý kiến của ông R và ông Z về trách nhiệm, để ký bàn giao và nghiệm thu sản phẩm theo Hợp đồng kinh tế số 01. Theo quy định tại Điều 142 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện, trừ một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người được đại diện đã công nhận giao dịch;*
- b) Người được đại diện biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý;*
- c) Người được đại diện có lỗi dẫn đến việc người đã giao dịch không biết hoặc không thể biết về việc người đã xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với mình không có quyền đại diện.*

2. Trường hợp giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện thì người không có quyền đại diện vẫn phải thực hiện nghĩa vụ đối với người đã giao dịch với mình, trừ trường hợp người đã giao dịch biết hoặc phải biết về việc không có quyền đại diện mà vẫn giao dịch.

3. Người đã giao dịch với người không có quyền đại diện có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự đã xác lập và yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp người đó biết hoặc phải biết về việc không có quyền đại diện mà vẫn giao dịch hoặc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp người không có quyền đại diện và người đã giao dịch cố ý xác lập, thực hiện giao dịch dân sự mà gây thiệt hại cho người được đại diện thì phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Phi R và ông Trần Anh Z vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng tố tụng và vi phạm về nội dung giải quyết vụ án.

[3.2] Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Theo Hợp đồng kinh tế số 01 HĐKT/QHBK – TT – 09/2017 thể hiện bên bán là Công ty TNHH Cơ điện tử Q BK, bên mua là Công ty TNHH MTV Cơ khí T có địa chỉ tại xã O, huyện T, tỉnh Hậu Giang, nhưng địa chỉ lắp đặt là ấp M, xã TH,

huyện P, tỉnh Hậu Giang. Qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc lắp đặt máy là lắp đặt cho Công ty K. Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng cứ nào liên quan đến việc thỏa thuận giữa T và K, thực tế người sử dụng trực tiếp hệ thống máy là K. Như vậy, việc ông Nguyễn Phi R là công nhân kỹ thuật của Công ty K ký vào biên bản bàn giao và hướng dẫn vận hành máy ly tâm; Biên bản nghiệm thu có giá trị pháp lý hay không. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[3.3] Tòa cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ liên quan đến việc xuất hóa đơn VAT để xác định bị đơn có vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại Điều 2 Hợp đồng kinh tế số 01 HĐKT/QHBK – TT – 09/2017 giữa Công ty TNHH Cơ điện tử Q BK và Công ty TNHH MTV Cơ khí T thể hiện “Sau 30 ngày kể từ ngày có biên bản nghiệm thu – bàn giao đưa hệ thống vào sử dụng và bên A đã xuất hóa đơn VAT cho bên B thì bên B sẽ thanh toán dứt điểm cho bên A phần giá trị còn lại của Hợp đồng”. Mặt khác, tại Điều 2 cũng quy định về trách nhiệm thanh toán của T cho BK đợt 03 là 300.000.000 đồng, nhưng tại bản tự khai của ông Phạm Xuân H1 (bút lục 32) cũng xác định chỉ mới thanh toán đợt 03 là 200.000.000 đồng. Nhưng giữa Q BK và T vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng. Việc nguyên đơn cho rằng đã xuất hóa đơn và gửi cho bị đơn nhưng bị đơn đã đóng cửa do đó bưu điện chuyển hoàn thư cho Công ty Q BK. Tại Biên bản hòa giải ngày 10 tháng 10 năm 2019 (bút lục số 56), nguyên đơn cho rằng có giao hóa đơn giá trị gia tăng nhưng bị đơn không có thiện chí nhận. Bị đơn trình bày do có đơn phản tố nên không đồng ý nhận hóa đơn giá trị gia tăng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ đối với việc xuất hóa đơn VAT của nguyên đơn, để xác định bị đơn có vi phạm nghĩa vụ thanh toán để tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tố tụng của nguyên đơn là chưa phù hợp.

[3.4] Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định để xác nhận tình trạng hoạt động của hệ thống máy

Nguyên đơn cho rằng, đã hoàn thành đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình theo như hợp đồng đã ký kết. Bị đơn cho rằng hệ thống máy đến nay vẫn chưa hoạt động được. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, xem xét thẩm định đối với hoạt động của hệ thống máy móc là đối tượng tranh chấp trong hợp đồng, nên chưa có đủ cơ sở để đánh giá xem xét tính chất và mức độ thực hiện của

hợp đồng cũng như chưa xem xét đánh giá quá trình sử dụng hệ thống máy và tình trạng hiện nay của hệ thống máy như thế nào.

[3.5] Về việc xác định mức lãi suất chậm thanh toán

Nguyên đơn có yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán từ ngày 20/7/2019 đến khi giải quyết xong vụ án. Theo Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

“Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm phải thu thập mức lãi suất quá hạn của ba ngân hàng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định lãi suất chậm trả tại Ngân hàng BIDV là chưa phù hợp.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và sai lầm về nội dung giải quyết vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên quyết định hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án sơ thẩm nên chưa xem xét kháng cáo của nguyên đơn, không ai phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2020/KDTM - ST, ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty TNHH Cơ điện tử Q BK số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lại thu số 0005630 ngày 16/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 19/01/2022.

****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng